

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2365/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 2000

Địa chỉ: F, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: B, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà O, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2024 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân H kết hôn năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Từ khi kết hôn vợ chồng đã có những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân nhưng cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng thể nhưng mâu thuẫn đã ngày càng trầm trọng và gây gắt hơn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và

không còn yêu thương nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã hết sức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng cuộc hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân Thiên A, sinh ngày 08/3/2018 và cháu Nguyễn Xuân Thiên P, sinh ngày 07/8/2020, khi ly hôn bà đồng ý để ông Nguyễn Xuân H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025 bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kiều O có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì năm 2019 ông phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đi chấp hành án tại Trại giam X. Trong thời gian đó bà O bỏ đi khỏi nhà từ đó đến nay ông và bà O không còn liên lạc, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên bà O yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân Thiên A, sinh ngày 08/3/2018 và cháu Nguyễn Xuân Thiên P, sinh ngày 07/8/2020, khi ly hôn bà O giao con cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì ông cũng đồng ý vì từ khi sinh bé thứ hai thì bà O đã bỏ lại con cho gia đình ông trực tiếp nuôi dưỡng từ đó cho đến nay. Tạm thời ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O về việc ly hôn với ông H. Giao cháu A và cháu P cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà O không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: các đương sự trình bày không có. Về án phí: bà O phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kiều O, ông Nguyễn Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 31/2018 ngày 24/4/2018 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà O, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà O trình bày từ khi kết hôn vợ chồng đã có những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân nhưng cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng thế nhưng mâu thuẫn đã ngày càng trầm trọng và gây gắt hơn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn yêu thương nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã hết sức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng cuộc hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H. Còn theo ông Nguyễn Xuân H trình bày trong quá trình chung sống thì năm 2019 ông phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đi chấp hành án tại Trại giam X. Trong thời gian đó bà O bỏ đi khỏi nhà từ đó đến nay ông và bà O không còn liên lạc, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên bà O yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

[2.2] Xét thấy, giữa bà O và ông H đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng cũng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

[3] Về con chung: Bà O và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân Thiên A, sinh ngày 08/3/2018 và cháu Nguyễn Xuân Thiên P, sinh ngày 07/8/2020. Khi ly hôn, bà O đồng ý để ông H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu P vì từ khi sinh bé thứ hai thì bà O đã bỏ lại con cho gia đình ông trực tiếp nuôi dưỡng từ đó cho đến nay, tạm thời ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu A và cháu P cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà O không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều

9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều O.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân Thiên A, sinh ngày 08/3/2018 và cháu Nguyễn Xuân Thiên P, sinh ngày 07/8/2020 cho ông Nguyễn Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Nguyễn Thị Kiều O không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của bà Nguyễn Thị Kiều O.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004044 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị Kiều O đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến